



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 335 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 08 tháng 02 năm 2022

- Tên mẫu: NƯỚC THẢI
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH AN HƯNG
Địa chỉ: Thuận An
- Ngày lấy mẫu: 20/01/2022
- Điều kiện lấy mẫu: nắng
- Ngày nhận mẫu: 21/01/2022
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH AN HƯNG
Địa chỉ: Thuận An
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 21/01/2022

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	Quy chuẩn QCVN 40- 2011/ BTNMT (B)
					DV0122-69593		
1	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mgO ₂ /L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	15	-	50
2	Màu sắc	Pt-Co	2	TCVN 6185-2015 (*)	14	± 1	150
3	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,005	TCVN 6202-2008 (*)	0,03	-	6
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO ₂ /L	10	TCVN 6491-1999 (*)	31	± 2	150
5	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	8,4	± 0,4	40
6	Xác định pH	-	0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	6,7	-	5,5-9

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV0122-69593: Tại hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước của KCN
 - (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=13953>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

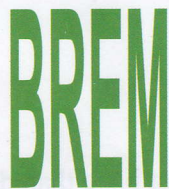
ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC



TẠO MẠNH QUÂN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Phương pháp thử	TCVN	Đơn vị	Giá trị	Đơn vị	Giá trị
1	Nhân cần oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD ₅)	mg/L	1	TCVN 6001-1-2008 (*)	TCVN 6001-1-2008 (*)	1	1	mg/L	1
2	Nhân cần	g/g	2	TCVN 6184-2012 (*)	TCVN 6184-2012 (*)	2	2	g/g	2
3	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0.002	TCVN 6202-2008 (*)	TCVN 6202-2008 (*)	0.002	0.002	mg/L	0.002
4	Nhân cần oxy hóa học (COD)	mg/L	10	TCVN 6181-1999 (*)	TCVN 6181-1999 (*)	10	31	mg/L	120
5	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638-2000 (*)	TCVN 6638-2000 (*)	2	8.4	mg/L	40
6	Xác định pH		0 - 14	TCVN 6492-2011 (*)	TCVN 6492-2011 (*)	0 - 14	6.7		3.5 - 9



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 335 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 08 tháng 02 năm 2022

1. Tên mẫu: KHÍ THẢI
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH AN HÙNG
Địa chỉ: Thuận An
3. Ngày lấy mẫu: 20/01/2022
4. Điều kiện lấy mẫu: nắng
5. Ngày nhận mẫu: 21/01/2022
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH AN HÙNG
Địa chỉ: Thuận An
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 21/01/2022

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	U (k=2, P = 95%)	Quy chuẩn
					DV0122-02588		QCVN 19:2009/ BTNMT (B)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	10	US.EPA Method 5	22	± 2	200
2	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	18,8	HD-HT-TES	96	-	850
3	Lưu lượng dòng khí	m ³ /h	0 - 3210336	HD-TN-KT	17.088	-	-
4	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	11,4	HD-HT-TES	118	-	1.000
5	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	26,2	HD-HT-TES	< 26,2 (**)	-	500
6	Nhiệt độ	°C	0 - 1000	HD-TN-KT	84,8	-	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT (B): kp: 1; kv: 1;
- Vị trí lấy mẫu:
DV0122-02588: Tại ống khói lò hơi 12 tấn, sau hệ thống xử lý khí thải, nhiên liệu đốt bằng than đá
- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=13954>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

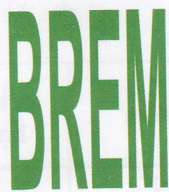
ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG

GIÁM ĐỐC



TÀO MẠNH QUÂN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN
1	Bụi tổng	mg/m ³	10	ĐE EPA Method 5	DV0122-02588	19:2009
2	Nitơ oxit (NO _x) (tính theo NO ₂)	mg/m ³	18,8	HD-HT-TES		
3	Lưu lượng dòng khí	m ³ /h	2310330	HD-TN-KT	17088	
4	Carbon oxit (CO)	mg/m ³	11,4	HD-HT-TES	118	1:2000
5	Lưu lượng dioxit (SO ₂)	mg/m ³	20,2	HD-HT-TES	< 20,2 (**)	200
6	Nhiệt độ	°C	0 - 1000	HD-TN-KT	84,8	



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 335 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 08 tháng 02 năm 2022

1. Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
2. Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH AN HƯNG
Địa chỉ: Thuận An
3. Ngày lấy mẫu: 20/01/2022
4. Điều kiện lấy mẫu: nắng
5. Ngày nhận mẫu: 21/01/2022
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH AN HƯNG
Địa chỉ: Thuận An
7. Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
8. Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 21/01/2022

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0122- 77789	DV0122- 61616	DV0122- 14809		
1	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	30,6	30,9	30,8	QCVN 26:2016/BYT (Tại nơi làm việc) - Lao động trung bình	18-32
2	Cacbon oxit (CO) (µg/m ³)	HD-TN-CO	< 2.500 (**)	< 2.500 (**)	< 2.500 (**)	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	20.000
3	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	62,7	63,2	62,4	QCVN 26:2016/BYT (Tại nơi làm việc) - Lao động trung bình	40-80
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)(µg/m ³)	TCVN 5067- 1995 (*)	73	64	55	QCVN 02:2019/BYT	8.000
5	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)(µg/m ³)	TCVN 5971- 1995	< 10 (**)	< 10 (**)	< 10 (**)	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	5.000

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả			Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0122- 77789	DV0122- 61616	DV0122- 14809		
6	Nitơ đioxit (NO ₂) (µg/m ³)	TCVN 6137- 2009	26,3	26,3	27,9	QCVN 03:2019/BYT - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc	5.000
7	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878- 2:2010 (*)	77,6	76,2	72,5	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
8	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878- 2:2010 (*)	83,2	82,9	78,6	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85
9	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878- 2:2010 (*)	79,4	78,3	74,3	QCVN 24:2016/BYT (8 giờ)	85

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

DV0122-77789: Khu vực nghiền

DV0122-61616: Khu vực cell

DV0122-14809: Khu vực đóng gói

- (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025

- (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=13956>

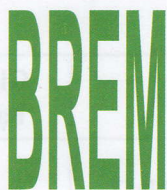
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

GIÁM ĐỐC

ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



TÀO MẠNH QUÂN



TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG



PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 335 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 08 tháng 02 năm 2022

- Tên mẫu: KHÔNG KHÍ
- Nơi lấy mẫu: CÔNG TY TNHH AN HÙNG
Địa chỉ: Thuận An
- Ngày lấy mẫu: 20/01/2022
- Điều kiện lấy mẫu: nắng
- Ngày nhận mẫu: 21/01/2022
- Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY TNHH AN HÙNG
Địa chỉ: Thuận An
- Đơn vị lấy mẫu: PHÒNG QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
- Kết quả:

Ngày thử nghiệm: 21/01/2022

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả		Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0122-51708	DV0122-33874		
1	Cacbon oxit (CO) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	HD-TN-CO	< 2.500 (**)	< 2.500 (**)	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	30.000
2	Hydro sunphua (H ₂ S) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	MASA 701	-	5	QCVN 06:2009/BTNMT (1 giờ)	42
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	TCVN 5067- 1995 (*)	73	55	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	300
4	Amoniác (NH ₃) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	TCVN 5293- 1995	-	7	QCVN 06:2009/BTNMT (1 giờ)	200
5	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	TCVN 5971- 1995	< 10 (**)	< 10 (**)	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	350
6	Nitơ đioxit (NO ₂) ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	TCVN 6137- 2009	30,3	34,3	QCVN 05:2013/BTNMT - Trung bình 1 giờ	200
7	Tiếng ồn (Lmin) (dB(A))	TCVN 7878- 2:2010 (*)	63,7	62,2	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM

Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn

ĐT: 0274.3897628

Fax: 0274 3824753

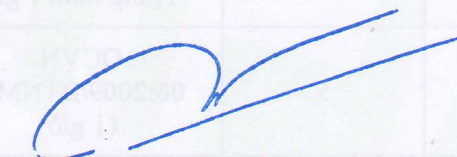
Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả		Quy chuẩn	Giới hạn
			DV0122-51708	DV0122-33874		
8	Tiếng ồn (Lmax) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	69,8	68,6	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70
9	Tiếng ồn (Leq) (dB(A))	TCVN 7878-2:2010 (*)	65,2	64,1	QCVN 26:2010/BTNMT (Từ 6 giờ đến 21 giờ) (khu vực thông thường)	70
10	Độ ẩm (%)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	60,6	-	-	-
11	Nhiệt độ (°C)	QCVN 46:2012/BTNMT (*)	31,2	-	-	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
DV0122-51708: Khu vực bên ngoài cổng bảo vệ
DV0122-33874: Khu vực bên cổng sau, cạnh trạm xử lý nước thải
 - (*) Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
 - (**) Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phép thử.
- Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu

Tra cứu trực tuyến tại <http://brem.cenlab.vn/ketqua/detail?id=13955>

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



ThS. NGUYỄN CHÍ CƯỜNG



GIÁM ĐỐC

TÀO MẠNH QUÂN